



**Công ty Cổ phần Mía đường –  
Nhiệt điện Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2012



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 1950/GP ngày 18 tháng 7 năm 1997  
1950/GPDC1 ngày 19 tháng 4 năm 2005

Giấy phép Đầu tư và giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

**Giấy Chứng nhận Đầu tư số** 1950/GPDC2/39/1 ngày 19 tháng 10 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 31 tháng 10 năm 2011. Giấy Chứng nhận Đầu tư và các điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai cấp và có giá trị trong vòng 40 năm kể từ ngày cấp giấy Chứng nhận Đầu tư đầu tiên.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số** 3903000148 ngày 2 tháng 8 năm 2007  
5900421955 ngày 21 tháng 7 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 18 tháng 5 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch (từ ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Phùng Nguyễn Âu Đệ	Chủ tịch (đến ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Thái Văn Chuyện	Phó Chủ tịch
Ông Tân Xuân Hiến	Thành viên
Ông Đinh Văn Hiệp	Thành viên (từ ngày 14 tháng 7 năm 2012)
Ông Trịnh Minh Châu	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2012)
Ông Phùng Nguyễn Âu Đệ	Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 đến ngày 10 tháng 7 năm 2012)
Ông Nguyễn Văn Lùng	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2012)
Ông Dương Tấn Hải	Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2012)

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Cáp Thành Dũng Ông Nguyễn Văn Lùng Ông Hồ Đắc Dũng Ông Trịnh Minh Châu	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 5 năm 2012)
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Phạm Cao Sơn  Bà Lương Ái Trúc  Ông Lê Trọng Nam Ông Lưu Mạnh Thức  Ông Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 27 tháng 4 năm 2012) Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 27 tháng 4 năm 2012) Thành viên Thành viên (từ ngày 27 tháng 4 năm 2012) Thành viên (đến ngày 27 tháng 4 năm 2012)
<b>Trụ sở đăng ký</b>	561 Trần Hưng Đạo Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan của mỗi kỳ tài chính nhằm phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn đó. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- xác định rõ các chuẩn mực kế toán liên quan có được tuân thủ hay không; và
- lập các báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục, trừ trường hợp giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán phù hợp với các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Hoa  
Chủ tịch

Gia Lai, ngày 14 tháng 8 năm 2012

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

### **Phạm vi soát xét**

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2012. Ngoài ra, báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này trong báo cáo soát xét phát hành ngày 30 tháng 7 năm 2011.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-279



Chang Hung Chun

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>278.212.679.031</b>	<b>248.675.824.104</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>12.469.762.113</b>	<b>18.958.862.274</b>
Tiền	111		12.469.762.113	2.958.862.274
Các khoản tương đương tiền	112		-	16.000.000.000
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>10</b>	<b>95.037.843.357</b>	<b>65.887.175.731</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		95.318.874.797	66.168.207.171
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(281.031.440)	(281.031.440)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>20.137.309.830</b>	<b>71.114.471.214</b>
Phải thu khách hàng	131		18.699.883.210	54.208.511.703
Trả trước cho người bán	132		973.532.573	15.114.783.507
Các khoản phải thu khác	135		463.894.047	1.791.176.004
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>145.988.940.111</b>	<b>78.982.437.718</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.578.823.620</b>	<b>13.732.877.167</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.106.998.756	4.846.227.531
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		589.084.624	6.809.453.083
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.882.740.240	2.077.196.553
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>379.166.327.151</b>	<b>365.126.136.234</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>349.090.343.973</b>	<b>336.857.447.448</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	347.122.324.930	243.468.763.486
Nguyên giá	222		529.390.186.581	405.909.618.181
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(182.267.861.651)	(162.440.854.695)
Tài sản cố định vô hình	227	8	125.139.650	169.144.338
Nguyên giá	228		589.186.516	589.186.516
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(464.046.866)	(420.042.178)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.842.879.393	93,219,539,624

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>19.899.018.825</b>	<b>19.131.128.800</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		19.899.018.825	19.131.128.800
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>10.176.964.353</b>	<b>9.137.559.986</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	10.176.964.353	9.137.559.986
<b>TỔNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>657.379.006.182</b>	<b>613.801.960.338</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310 + 330)	<b>300</b>		<b>400.538.194.366</b>	<b>397.743.047.166</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>256.515.338.562</b>	<b>200.199.824.974</b>
Vay ngắn hạn	311	12	192.989.305.390	97.105.552.000
Phải trả người bán	312	13	17.501.538.637	46.131.337.313
Người mua trả tiền trước	313	14	10.342.672.671	6.349.633.997
Thuế phải nộp Nhà nước	314	15	20.936.109.974	4.205.809.255
Phải trả người lao động	315		1.863.988.513	207.265.845
Chi phí phải trả	316	16	8.292.832.248	1.910.336.683
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	911.422.759	39.769.212.084
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	18	3.677.468.370	4.520.677.797
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>144.022.855.804</b>	<b>197.543.222.192</b>
Nợ dài hạn khác	333		185.500.000	185.500.000
Vay dài hạn	334	19	143.574.887.374	197.053.093.762
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	262.468.430	304.628.430

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410 + 430)	<b>400</b>		<b>256.840.811.816</b>	<b>216.058.913.172</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>256.840.811.816</b>	<b>216.058.913.172</b>
Vốn cổ phần	411	21	174.065.800.000	174.065.800.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(1.044.000)	(1.044.000)
Quỹ đầu tư phát triển	417		26.149.789.805	21.646.199.241
Quỹ dự phòng tài chính	418		10.413.835.604	8.162.040.322
Lợi nhuận chưa phân phối	420		46.212.430.407	12.185.917.609
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>657.379.006.182</b>	<b>613.801.960.338</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngoại tệ (Đô la Mỹ, Euro)		53.132.672	53.416.667

Người lập:



Nguyễn Xuân Thanh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cáp Thành Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>450.578.839.926</b>	<b>355.718.755.386</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>(364.505.572.161)</b>	<b>(257.893.691.330)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>86.073.267.765</b>	<b>97.825.064.056</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.184.108.362	7.090.346.716
Chi phí tài chính	22	24	(27.161.022.644)	(15.946.710.401)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>(27.161.022.644)</i>	<i>(15.946.710.401)</i>
Chi phí bán hàng	24		(2.441.459.778)	(2.748.782.607)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(9.014.883.223)	(7.661.767.199)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b>	<b>30</b>		<b>56.640.010.482</b>	<b>78.558.150.565</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	25	39.999.455	150.742
Chi phí khác	32	25	(29.500.000)	(227.968.035)
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 31 + 32)</b>	<b>50</b>		<b>56.650.509.937</b>	<b>78.330.333.272</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>(8.238.949.373)</b>	<b>(8.025.810.273)</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 + 51 + 52)</b>	<b>60</b>		<b>48.411.560.564</b>	<b>70.304.522.999</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>2.781</b>	<b>4.039</b>

Người lập:



Nguyễn Xuân Thanh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cap Thành Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	145.054.928.000	(490.000)	5.728.804	7.518.450.018	3.953.486.598	36.322.859.031	192.854.962.451
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(18.000)	-	-	-	-	(18.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	70.304.522.999	70.304.522.999
Cổ tức	-	-	-	-	-	(21.758.239.200)	(21.758.239.200)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	6.002.068.000	3.001.034.000	(9.003.102.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.821.383.641)	(8.821.383.641)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(1.585.531.728)	-	-	(1.585.531.728)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	9.615.482	-	-	-	9.615.482
Điều chỉnh khác	(8.000)	-	-	-	-	8.000	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	145.054.928.000	(508.000)	15.344.286	11.934.986.290	6.954.520.598	67.044.665.189	231.003.928.363
Phát hành cổ phiếu thưởng	29.010.880.000	-	-	-	-	(29.010.880.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(536.000)	-	-	-	-	(536.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	28.538.170.506	28.538.170.506
Cổ tức	-	-	-	-	-	(38.294.247.200)	(38.294.247.200)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	9.884.269.351	4.942.134.675	(14.826.404.026)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Hoàn nhập lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	(3.734.614.951)	3.734.614.951	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(173.056.400)	-	-	(173.056.400)
Chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	(15.344.286)	-	-	-	(15.344.286)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(1.811)	(1.811)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	174.065.800.000	(1.044.000)	-	21.646.199.241	8.162.040.322	12.185.917.609	216.058.913.172

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	174.065.800.000	(1.044.000)	-	21.646.199.241	8.162.040.322	12.185.917.609	216.058.913.172
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	48.411.560.564	48.411.560.564
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	4.503.590.564	2.251.795.282	(6.755.385.846)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.629.661.920)	(7.629.661.920)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	174.065.800.000	(1.044.000)	-	26.149.789.805	10.413.835.604	46.212.430.407	256.840.811.816

Người lập:



Nguyễn Xuân Thanh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cáp Thành Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**  
**(Phương pháp trực tiếp)**

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		452.165.740.041	352.205.644.700
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(374.363.858.671)	(278.851.831.841)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.909.406.222)	(12.647.632.131)
Tiền chi trả lãi vay	04		(27.132.510.940)	(16.212.177.310)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		948.436.057	(5.948.483.383)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.527.871.869	4.219.801.110
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.519.692.453)	(14.643.006.195)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>17.716.579.681</b>	<b>28.122.314.950</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(16.375.950.127)	(2.966.774.204)
Tiền chi cho các khoản cấp cho nông dân trồng mía vay	25		(41.085.999.450)	(111.119.156.694)
Tiền thu hồi các khoản cấp cho nông dân trồng mía vay	26		23.920.918.307	24.262.170.799
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.941.710.626	6.481.449.050
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(28.599.320.644)</b>	<b>(83.342.311.049)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012  
(Phương pháp trực tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 - DN**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(18.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		310.484.029.627	203.450.100.625
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(268.078.482.625)	(148.065.809.215)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.011.906.200)	(21.716.793.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4.393.640.802</b>	<b>33.667.480.410</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(6.489.100.161)</b>	<b>(21.552.515.689)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		18.958.862.274	63.067.353.957
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	9.615.482
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>12.469.762.113</b>	<b>41.524.453.750</b>

Người lập:



Nguyễn Xuân Thanh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cáp Thành Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm sau đường làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và đầu tư tài chính.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 172/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2009.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 Công ty có 313 nhân viên (31/12/2011: 302 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

**(b) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

**(i) Khoản cho nông dân trồng mía vay**

Khoản cho nông dân trồng mía vay được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản vay quá hạn. Dự phòng cho các khoản cho vay quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2011.

**(ii) Các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ được phân loại là chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(i) Dự phòng chi phí hoạt động**

Dự phòng chi phí hoạt động liên quan đến các chi phí có thể thực hiện trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các ước tính tốt nhất của Ban Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(n) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(o) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(q) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**(s) Doanh thu**

**(i) Bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(w) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

**(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính giữa niên độ.

**3. Báo cáo bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm sau đường và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	40.601.809	84.461.000
Tiền gửi ngân hàng	12.429.160.304	2.874.401.274
Các khoản tương đương tiền	-	16.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	12.469.762.113	18.958.862.274

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, tiền của Công ty bao gồm số ngoại tệ xấp xỉ 53 triệu VND (31/12/2011: 53 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tiền gửi ngân hàng với giá trị 12.429 triệu VND (31/12/2011: 18.874 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty. Không có sự hạn chế nào trong việc sử dụng các tài khoản tiền gửi ngân hàng được thế chấp này.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**5. Các khoản phải thu**

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	10.736.100.000	49.921.500.000
Phi thương mại	70.812.230	956.105.000

Các khoản phải thu từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi suất và phải hoàn trả trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đối với phải thu thương mại và phải hoàn trả theo yêu cầu đối với các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập từ cổ tức	-	956.105.000
Thu nhập lãi từ các khoản cấp cho nông dân trồng mía vay	199.402.416	642.063.416
Phải thu khác	264.491.631	193.007.588
	<b>463.894.047</b>	<b>1.791.176.004</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	211.122.000	-
Nguyên vật liệu	9.196.067.728	7.536.485.755
Công cụ và dụng cụ	1.285.561.681	2.965.956.824
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.537.856.421	5.542.601.946
Thành phẩm	132.867.043.098	46.907.500,764
Hàng hóa	891.289.183	313,826,838
Hàng gửi đi bán	-	15,716,065,591
	<b>145.988.940.111</b>	<b>78.982.437.718</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 145.989 triệu VND (31/12/2011: 78.982 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	75.627.106.400	321.999.274.783	6.437.140.698	1.846.096.300	405.909.618.181
Tăng trong kỳ	1.966.201.431	2.806.816.465	-	258.661.619	5.031.679.515
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	13.115.277.910	105.333.610.975	-	-	118.448.888.885
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>90.708.585.741</b>	<b>430.139.702.223</b>	<b>6.437.140.698</b>	<b>2.104.757.919</b>	<b>529.390.186.581</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	31.566.164.813	128.252.325.324	1.839.816.115	782.548.443	162.440.854.695
Khấu hao trong kỳ	1.875.042.868	17.441.394.767	315.366.343	195.202.978	19.827.006.956
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>33.441.207.681</b>	<b>145.693.720.091</b>	<b>2.155.182.458</b>	<b>977.751.421</b>	<b>182.267.861.651</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	44.060.941.587	193.746.949.459	4.597.324.583	1.063.547.857	243.468.763.486
Số dư cuối kỳ	57.267.378.060	284.445.982.132	4.281.958.240	1.127.006.498	347.122.324.930

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được mua trước ngày 19 tháng 10 năm 2007 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty Chứng khoán Hoàng Gia và được phê duyệt bởi các chủ đầu tư của Công ty.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 100.670 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 100.628 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 292.573 triệu VND (31/12/2011: 264.556 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	589.186.516
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	420.042.178
Khấu hao trong kỳ	44.004.688
Số dư cuối kỳ	464.046.866
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	169.144.338
Số dư cuối kỳ	125.139.650

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 148 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 148 triệu VND).

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2012</b>	<b>30/6/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	93.219.539.624	249.528.748
Tăng trong kỳ	27.072.228.654	1.267.914.227
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(118.448.888.885)	(256.070.909)
Xóa sổ	-	(8.592.602)
Số dư cuối kỳ	1.842.879.393	1.252.779.464

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**10. Các khoản đầu tư tài chính**

	30/6/2012			31/12/2011				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
<b>Đầu tư vốn ngắn hạn:</b>								
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía				95.318.874.797				51.668.207.171
▪ Khoản vay cấp cho Công ty CP Điện Gia Lai				-				14.500.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn				(281.031.440)				(281.031.440)
				<u>95.037.843.357</u>				<u>65.887.175.731</u>
<b>Đầu tư vốn dài hạn khác:</b>								
▪ Khoản vay cấp cho nông dân trồng mía				5.557.443.825				4.789.553.800
▪ Cổ phiếu Công ty CP Điện Gia Lai	956.105	1.8%	1.8%	14.341.575.000	956.105	1.8%	1.8%	14.341.575.000
				<u>19.899.018.825</u>				<u>19.131.128.800</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn				-				-
				<u>19.899.018.825</u>				<u>19.131.128.800</u>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các khoản cấp cho nông dân trồng mía vay được đảm bảo một phần bằng quyền sử dụng đất và thu lãi trong khoảng từ 10% đến 17% trong kỳ (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011: 15% đến 21.2%). Khoản vay có thể thu hồi theo từng kỳ giải ngân trong thời hạn vay từ 1 đến 3 năm.

Không có biến động trong dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị là 95.318 triệu VND (31/12/2011: 51.668 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	9.137.559.986	4.121.788.102
Tăng trong kỳ	3.150.522.649	9.356.828.699
Phân bổ trong kỳ	(2.111.118.282)	(3.774.467.830)
Số dư cuối kỳ	10.176.964.353	9.704.148.971

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 1.303 triệu VND (31/12/2011: 1.330 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

## 12. Vay ngắn hạn

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	92.000.000.000	73.440.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19)	100.989.305.390	23.665.552.000
	192.989.305.390	97.105.552.000

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Đơn vị tiền tệ</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (a)	VND	14%	52.000.000.000	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (b)	VND	14%-17%	20.000.000.000	34.640.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	VND	15%-15.5%	-	28.800.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)	VND	17.6%	-	10.000.000.000
Công ty CP Điện Gia Lai (c)	VND	13.5%	20.000.000.000	-
			<b>92.000.000.000</b>	<b>73.440.000.000</b>

- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa và máy móc với giá trị ghi sổ lần lượt là 1.303 triệu VND và 29.690 triệu VND; hàng tồn kho và số dư của các tài khoản ngân hàng với giá trị lần lượt là 145.989 triệu VND và 12.429 triệu VND.
- Khoản vay này có hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ và được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty với số dư phải thu tối thiểu là 750.000 Đô la Mỹ và hợp đồng bảo hiểm hàng tồn kho với số dư tối thiểu là 750.000 Đô la Mỹ.
- Khoản vay từ Công ty CP Điện Gia Lai, một công ty liên quan có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND và không có đảm bảo.

### 13. Phải trả người bán

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Phải trả các công ty liên quan	1.732.498.999	1.586.310.000

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**14. Người mua trả tiền trước**

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng từ các công ty liên quan để mua đường	1.300.000.000	2.106.700.000

Khoản ứng trước từ các công ty liên quan không có đảm bảo và không chịu lãi.

**15. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	7.641.858.313	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.293.959.161	4.106.573.731
Thuế thu nhập cá nhân	-	98.943.024
Các loại thuế khác	292.500	292.500
	<b>20.936.109.974</b>	<b>4.205.809.255</b>

**16. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	129.500.000	65.000.000
Chi phí lãi vay	623.994.372	767.529.835
Dự phòng chi phí hoạt động trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ	7.017.552.008	-
Chi phí khác	521.785.868	1.077.806.848
	<b>8.292.832.248</b>	<b>1.910.336.683</b>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**17. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	113.727.691	94.306.885
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	194.984.028	335.017.809
Cổ tức phải trả	-	38.336.524.600
Lương và thưởng của Hội đồng Quản trị	-	285.000.000
Phải trả khác	602.711.040	718.362.790
	<hr/>	<hr/>
	911.422.759	39.769.212.084
	<hr/>	<hr/>

**18. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	4.520.677.797	1.088.341.021
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	7.629.661.920	8.821.383.641
Sử dụng trong kỳ	(8.472.871.347)	(7.169.541.853)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.677.468.370	2.740.182.809
	<hr/>	<hr/>

**19. Vay dài hạn**

	<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	244.564.192.764	220.718.645.762
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 12)	(100.989.305.390)	(23.665.552.000)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau mười hai tháng	143.574.887.374	197.053.093.762
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Đơn vị tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín					
▪ Khoản vay 1	VND	14% - 20.88%	2012	-	68.456.030.625
▪ Khoản vay 2 (a)	VND	14% - 20%	2013	1.581.333.000	1.581.333.000
▪ Khoản vay 3 (b)	VND	14% - 20.71%	2013	76.548.305.390	-
▪ Khoản vay 4 (c)	VND	14% - 20.71%	2015	1.945.150.000	-
▪ Khoản vay 5 (d)	VND	14% - 19.5%	2019	101.638.870.489	108.414.410.489
▪ Khoản vay 6 (e)	VND	14% - 18.32%	2019	4.476.380.152	4.883.292.152
▪ Khoản vay 7 (f)	VND	14% - 20.28%	2021	58.374.153.733	37.383.579.496
				244.564.192.764	220.718.645.762

- a. Khoản vay 2 với hạn mức tối đa là 13 tỷ VND được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng với giá trị là 12.429 triệu VND (31/12/2011: tất cả hàng tồn kho và toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng với giá trị tương ứng là 78.982 triệu VND và 18.874 triệu VND và các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị là 51.668 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ hàng năm bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2011 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Công ty, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 9 tháng 12 năm 2013.
- b. Khoản vay 3 với hạn mức tối đa là 90 tỷ VND được đảm bảo bằng bằng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng với giá trị là 12.429 triệu VND và các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị là 95.319 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả vào ngày đáo hạn là 19 tháng 1 năm 2013.
- c. Khoản vay 4 với hạn mức tối đa là 13 tỷ VND được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng với giá trị là 12.429 triệu VND và các khoản đầu tư ngắn hạn với giá trị là 95.319 triệu VND. Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ hàng năm bắt đầu từ ngày 6 tháng 2 năm 2013 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Công ty, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 6 tháng 2 năm 2015.
- d. Khoản vay 5 với hạn mức tối đa là 143 tỷ VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.303 triệu VND (31/12/2011: 1.330 triệu VND); và máy móc thiết bị với giá trị ghi sổ là 151.206 triệu VND (31/12/2011: 158.132 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 4 năm 2011 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Công ty, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 31 tháng 10 năm 2019.
- e. Khoản vay 6 với hạn mức tối đa là 10 tỷ VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Công ty với giá trị ghi sổ là 1.303 triệu VND (31/12/2011: 1.330 triệu VND); và máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 12.601 triệu VND (31/12/2011: 13.204 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 4 tháng bắt đầu từ ngày 28 tháng 9 năm 2010 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Công ty với, khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 10 tháng 11 năm 2019.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

- f. Khoản vay 7 với hạn mức tối đa là 70 tỷ VND được đảm bảo bằng nhà cửa và máy móc với giá trị là 99.076 triệu VND (31/12/2011: 93.220 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi kỳ 6 tháng bắt đầu từ ngày 21 tháng 9 năm 2012 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Công ty, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 21 tháng 9 năm 2021.

## **20. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ	304.628.430
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(42.160.000)
Số dư cuối kỳ	<u>262.468.430</u>

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã đóng 56 triệu VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 43 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	17.406.580	174.065.808.000	14.505.492	145.054.920.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	17.406.580	174.065.800.000	14.505.492	145.054.920.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	104	1.040.000	50	500.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	17.406.476	174.064.760.000	14.505.442	145.054.420.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2012		30/6/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	17.406.476	174.064.756.000	14.505.443	145.054.430.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(1)	(18.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>17.406.476</b>	<b>174.064.756.000</b>	<b>14.505.442</b>	<b>145.054.412.000</b>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

## 22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	362.780.952.378	293.755.389.553
▪ Mật ri	18.446.057.333	20.535.129.318
▪ Phân bón	56.412.970.349	33.579.975.200
▪ Điện	10.417.892.760	4.979.832.140
▪ Khác	2.520.967.106	2.868.429.175
	<hr/>	<hr/>
	450.578.839.926	355.718.755.386
	<hr/>	<hr/>

## 23. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Đường	274.258.431.973	194.795.734.772
▪ Mật ri	20.290.519.987	20.974.531.642
▪ Phân bón	56.899.986.390	33.591.176.463
▪ Điện	10.417.892.760	4.979.832.140
▪ Khác	2.638.741.051	3.552.416.313
	<hr/>	<hr/>
	364.505.572.161	257.893.691.330
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2012</b>	<b>30/6/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.300.949.521	2.791.819.310
Lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn	7.883.158.841	4.298.527.406
	<hr/>	<hr/>
	9.184.108.362	7.090.346.716

**25. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2012</b>	<b>30/6/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	27.161.022.644	15.946.710.401
	<hr/>	<hr/>

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2012</b>	<b>30/6/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	8.238.949.373	8.025.810.273
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	56.650.509.937	78.330.333.272
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.162.627.484	19.582.583.318
Chi phí không được khấu trừ thuế	309.692.459	192.776.946
Ưu đãi thuế	(6.233.370.570)	(11.749.549.991)
	8.238.949.373	8.025.810.273

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập như sau:

- 10% trên lợi nhuận tính thuế từ dự án đầu tư nhà máy đường từ năm 2005 đến năm 2011 và 25% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm 50% thuế thu đối với lợi nhuận từ dự án đầu tư nhà máy đường từ năm 2005 đến năm 2013. Việc giảm thuế trên không áp dụng với lợi nhuận từ các dự án đầu tư nâng công suất của nhà máy đường.
- 25% lợi nhuận tính thuế từ các khoản thu nhập khác.

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 48.411.560.564 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 70.304.522.999 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 17.406.476 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 17.406.530), được tính như sau:

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	48.411.560.564	70.304.522.999
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	48.411.560.564	70.304.522.999

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012	30/6/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	17.406.476	14.505.443
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	(1)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành ngày 20 tháng 7 năm 2011	-	2.901.088
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	17.406.476	17.406.530

**28. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ của Công ty.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	12.429.160.304	18.874.401.274
Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	19.163.777.257	55.999.687.707
Đầu tư ngắn hạn vào các khoản vay cấp cho Công ty CP Điện Gia Lai	-	14.500.000.000
Đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía	100.876.318.622	56.457.760.971
	132.469.256.183	145.831.849.952

**Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 5 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 5 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong hạn	19.163.777.257	55.999.687.707

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

***Đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía***

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào các khoản vay cấp cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách đầu tư mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Công ty và khoản này sẽ được cần trừ vào các khoản đầu tư tương ứng. Khoản đầu tư được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản đầu tư chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN****(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	92.000.000.000	96.117.611.111	96.117.611.111	-	-	-
Phải trả người bán	17.501.538.637	17.501.538.637	17.501.538.637	-	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	20.936.109.974	20.936.109.974	20.936.109.974	-	-	-
Phải trả người lao động	1.863.988.513	1.863.988.513	1.863.988.513	-	-	-
Chi phí phải trả	8.292.832.248	8.292.832.248	8.292.832.248	-	-	-
Phải trả khác	911.422.759	911.422.759	911.422.759	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn	244.564.192.764	341.009.634.862	129.021.527.782	44.518.588.290	95.634.967.187	71.834.551.603
	<b>386.070.084.895</b>	<b>486.633.138.104</b>	<b>274.645.031.024</b>	<b>44.518.588.290</b>	<b>95.634.967.187</b>	<b>71.834.551.603</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.



**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tiền tệ**

Công ty không có rủi ro tiền tệ trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Công ty được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, 316 tỷ VND nợ phải trả của Công ty chịu lãi suất thả nổi. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	113.305.478.926	89.832.162.245
Nợ phải trả tài chính	(20.000.000.000)	(10.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(316.564.192.764)	(284.158.645.762)
	<hr/>	<hr/>

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Công ty cho giai đoạn sáu tháng giảm đi 1,1 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các phương pháp sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

*Tiền mặt, các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, các khoản phải trả thương mại và phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác.*

Giá trị ghi sổ xấp xỉ giá trị hợp lý do những công cụ tài chính này có thời gian đáo hạn ngắn.

*Vay dài hạn*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền nợ gốc và lãi trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất của thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ đã được ghi nhận.

*Đầu tư vào chứng khoán vốn - Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai*

Công ty Cổ phần Điện Gia Lai là công ty chưa niêm yết và có lợi nhuận trong kỳ. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này. Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
<b>Các cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Điện Gia Lai</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.633.131.114	-
Các khoản vay đã nhận	20.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	195.000.000	217.777.778
Cho vay	5.000.000.000	30.000.000.000
Thu nhập lãi tiền gửi	357.638.889	346.166.666
<b>Công ty Cổ phần Thành Thành Công</b>		
Bán thành phẩm	131.761.904.760	194.904.728.288
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.495.744.300	1.637.626.020
<b>Công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Đặng Thành</b>		
Bán thành phẩm	185.415.333.333	93.703.886.246
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thưởng	2.222.596.758	2.013.082.799

**30. Các cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	830.588.804.052	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	20.183.663.999	3.263.392.485
	<b>850.772.468.051</b>	<b>3.263.392.485</b>

**Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2012 VND	30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	313.082.864.221	214.542.038.086
Chi phí nhân công	18.586.189.576	14.129.516.123
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.992.562.640	24.338.592.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.674.917.861	10.720.148.483
Chi phí khác	3.625.380.864	4.573.945.495

Người lập:



Nguyễn Xuân Thanh  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Cáp Thành Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2012